

Bản án số: 23/2025/HS-ST
Ngày 25/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Anh Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Dục và bà Phạm Thị Sâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Lê Lâm là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2025/TLST-HS, ngày 18 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, tên gọi khác: Không, sinh ngày 16 tháng 5 năm 1972, tại tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã H, huyện N, tỉnh A; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Niềm và bà Trần Thị Sắc (đều đã chết). Bị cáo có vợ tên là Lê Thị Tĩnh, sinh năm 1971. Bị cáo có 01 con, sinh năm 2011.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/1997 đến ngày 16/8/1998 tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Ngày 17/8/1998 bị cáo được điều trị bệnh bắt buộc tại Bệnh viện tâm thần Đà Nẵng theo Quyết định áp dụng áp dụng biện pháp đi chữa bệnh số 01, ngày 29/12/1997 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. Đến ngày 04/9/1998 bị cáo bỏ trốn khỏi Bệnh viện tâm thần Đà Nẵng.

Ngày 30/9/2024 bị cáo đến Công an xã Hưng Tây, huyện Hưng N, tỉnh Nghệ An đầu thú. Ngày 01/10/2024 bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ đến ngày 04/10/2024 bị cáo được trả tự do và được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn Mook Trang, xã Ia Dom, huyện Đ, tỉnh G. (Đã chết)

+ Ông Phạm N, sinh năm 1947; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G. (Đã chết)

- Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Thế T: Bà Trương Thị Hiên, sinh năm 1947 (là vợ của ông T); địa chỉ: Thôn Mook Trang, xã Ia Dom, huyện Đ, tỉnh G. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Phạm N: Bà Nguyễn Thị Hoài Thu, sinh năm 1957 (là vợ của ông N); địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 14/12/1996 Nguyễn Văn N đến huyện Đ, tỉnh G thì gặp ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1947, trú tại: thôn Mook Trang, xã Ia Dom, huyện Đ, tỉnh G. Tại đây, N giới thiệu mình tên là Nguyễn Văn Thắng, sinh năm 1966, hiện đang công tác tại Hải quan Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh và có đưa ra thông tin về việc Hải quan vừa bắt giữ được một số thuốc lá lậu, có thể bán lại cho ông T với giá 70.000 đồng/cây thuốc. Vì hám lời nên ông T đồng ý mua nên đã gom tiền của gia đình mình được số tiền 4.625.000 đồng (bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) rồi đưa cho người làm trong gia đình là anh Cù Văn Hoài và anh Phan Đình Tình số tiền trên để nhằm mục đích mua thuốc lá theo như lời của N đưa ra. Sau đó, anh Cù Văn Hoài được N dẫn đi lên khu vực Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh để lấy thuốc còn con của ông T là anh Nguyễn Văn Thành, sinh năm 1980, trú tại thôn Mook Trang, xã Ia Dom, huyện Đ, tỉnh G và anh Phan Đình Tình đi cùng nhưng đi sau.

Khoảng 17h30, ngày 05/01/1997, sau khi đến gần khu vực Đồn Biên phòng 721, N đã nói anh Hoài và anh Tình giao tiền cho N để đi lấy thuốc thì anh Hoài đưa số tiền của gia đình ông T cho N, còn tiền của anh Hoài thì vẫn giữ lại, sau khi nhận số tiền 4.625.000 đồng, N đã nói anh Hoài giao chiếc xe đạp cho N để làm phương tiện đi vào chợ hàng ra và nói anh Hoài ngồi ngoài đường để chờ. Sau đó, N đã điều khiển chiếc xe đạp đi lên khu vực cửa khẩu rồi bỏ chiếc xe đạp lại ở bên đường rồi bỏ trốn về thị trấn Chư Ty, huyện Đ tiêu xài hết số tiền đã lừa được. Ngồi ngoài đường để chờ nhưng không thấy N quay lại, biết mình bị lừa nên anh Hoài và anh Tình đã bỏ ra về rồi kể lại sự việc cho ông T biết và nói lại

việc đã đưa số tiền 4.625.000 đồng là tiền của gia đình ông T cho N còn tiền của anh Hoài và anh Tình chưa giao cho N.

Sau khi bỏ trốn, N tiếp tục lang thang đi đến khu vực xã Ia Din, huyện Đ, tỉnh G và vào nhà ông Phạm N, sinh năm 1947, trú tại: thôn Đồng Tâm, xã Ia Din, huyện Đ, tỉnh G. Tại đây, N vào bắt chuyện làm quen và giới thiệu là cán bộ Đoàn Biên phòng 721. Sau khi nói chuyện N tiếp tục gợi ý muốn giúp đỡ ông N trong việc làm ăn kiếm tiền. Sau đó, ngày 23/01/1997, N quay lại và ghé vào nhà ông N để nói chuyện về việc sẽ giúp ông N đi lên Cửa khẩu Quốc tế Lê Thanh để đi gửi thuốc lá với giá rẻ. Do tin tưởng lời N nói nên ông N đã chuẩn bị số tiền 1.100.000 đồng cùng với N đi lên Cửa khẩu Quốc tế Lê Thanh để gửi thuốc. Khi cả hai đến địa phận thuộc Làng Sơn, xã Ia Nan, huyện Đ, tỉnh G thì N bảo ông N đứng chờ và đưa tiền cho N. Ông N tin tưởng nên đã đưa số tiền 1.100.000 đồng cho N rồi đứng chờ. N sau khi nhận tiền đã bỏ trốn đi về thành phố Pleiku tiêu xài hết tiền. Ông N đứng chờ đến sáng hôm sau, không thấy N quay lại nên đã đi bộ về.

Ngày 26/01/1997, N tiếp tục đón xe lên huyện Đ, tỉnh G thì bị ông Nguyễn Thế T phát hiện và trình báo sự việc cho Đoàn Biên phòng 721. Đoàn Biên phòng 721 đã tiến hành bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Văn Thắng (tức Nguyễn Văn N). Ngày 27/01/1997, Đoàn Biên phòng 721 đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự chuyển Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ để tiếp tục điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 30/01/1997, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn Thắng (tức Nguyễn Văn N) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” được quy định tại Khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 1985 với tên bị can là Nguyễn Văn Thắng, sinh năm 1966, trú tại xã Hà Linh, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

Quá trình điều tra, tại Cơ quan điều tra N có biểu hiện bị cầm không nói được chỉ khai báo qua bản tự khai và thể hiện qua hành động. N khai do bị cán bộ Đoàn Biên phòng bắt, đánh đập nên dẫn đến bị bệnh như trên.

Sau khi kết thúc điều tra xác định hành vi chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Văn Thắng (tức Nguyễn Văn N), cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ban hành Bản kết luận điều tra, đề nghị truy tố đối với Nguyễn Văn Thắng (tức Nguyễn Văn N) theo Bản kết luận điều tra số 11 ngày 25/3/1997 và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã ban hành Cáo trạng số 07 ngày 05/5/1997 đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên, quá trình điều tra xét thấy vụ án còn nhiều vấn đề cần phải chứng minh nên Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 01, ngày 21/5/1997 đối với vụ án trên.

Sau đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã tiến hành ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 02, ngày 10/6/1997 và Quyết định tạm đình chỉ

điều tra bị can số 02, ngày 10/6/1997 đối với vụ án Nguyễn Văn Thắng “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” và áp dụng biện pháp đi chữa bệnh bắt buộc đối với Nguyễn Văn Thắng theo Quyết định bắt buộc chữa bệnh số 01, ngày 16/9/1997 tại Bệnh viện tâm thần tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và theo Quyết định bắt buộc chữa bệnh số 01, ngày 29/12/1997 tại Bệnh viện tâm thần tại thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, trong thời gian đi chữa bệnh bắt buộc thì ngày 04/9/1998, Nguyễn Văn Thắng (tức Nguyễn Văn N) đã bỏ trốn, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Văn Thắng theo Quyết định truy nã số 07, ngày 28/10/1998.

Ngày 30/9/2024, Nguyễn Văn N, sinh năm 1972, trú tại: Xóm Đại Huệ, xã Hưng Tây, huyện Hưng N, tỉnh Nghệ An đã đến cơ quan Công an xin đầu thú và khai nhận N chính là Nguyễn Văn Thắng hiện đang bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh G truy nã theo Quyết định truy nã số 07 ngày 28/10/1998.

Ngày 18/11/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tiến hành Trưng cầu giám định về tâm thần đối với Nguyễn Văn N tại Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Miền trung để xác định tình trạng sức khỏe tâm thần của Nguyễn Văn N.

Ngày 13/12/2024, Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Miền trung có Bản kết luận số 2268/KLGD kết luận tại thời điểm giám định sức khỏe tâm thần của Nguyễn Văn N bình thường; Đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

Ngày 30/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã ra Quyết định phục hồi vụ án, Quyết định phục hồi đối với bị can và ra Quyết định trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung đối với vụ án Nguyễn Văn Thắng “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”.

Ngày 03/01/2025, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ ra Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn Thắng, sinh năm 1966, trú tại Hà Linh, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh thành Nguyễn Văn N, sinh năm 1972, trú tại xã Hưng Tây, huyện Hưng N, tỉnh Nghệ An về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 1985.

* Tại Bản kết luận giám định số: 792/KL-KTHS, ngày 30/8/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G, kết luận: Dấu vân tay trên Danh bản, chỉ bản cùng số 0188; lập ngày 26/01/1997; tại Công an huyện Đ; Họ tên Nguyễn Văn Thắng; sinh ngày 11/4/1966 (mẫu cần giám định) với dấu vân tay trên Tờ khai Chứng minh nhân dân số 182143451; Họ tên Nguyễn Văn N; sinh năm 1972 và dấu vân tay trên Danh bản, chỉ bản ghi họ tên Nguyễn Văn N; sinh ngày 16/5/1972; CCCD số: 040072034767 (mẫu so sánh) là dấu vân tay của cùng một người.

Quá trình điều tra vụ án, tại phiên tòa và trong đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại đều đồng ý và không khiếu nại về các Kết luận giám định.

Tại Bản Cáo trạng số: 16/CT-VKS, ngày 10/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N, về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân*” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 1985.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị:

- **Về tội danh:** Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân*” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 1985.

- **Về mức hình phạt:** Áp dụng khoản 1 Điều 157; các Điều 25, 37; các điểm a, d, h khoản 1 và khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 1985.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng 22 (hai mươi hai) ngày tù, bằng thời gian tạm giữ, tạm giam.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- **Về xử lý vật chứng của vụ án:**

+ Đối với số tiền 80.000 đồng (tám mươi nghìn đồng): Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã sử dụng để mua thuốc men, quần áo cho Nguyễn Văn N khi N bị ốm đau trong quá trình giam giữ tại thời điểm năm 1997. Còn lại 16.000 đồng (mười sáu nghìn đồng) Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã tiến hành tiếp nhận và quản lý đối với số tiền trên khi nhận bản kết luận điều tra số 11 ngày 25/3/1997. Tuy nhiên do thời gian đã lâu Kiểm sát viên được phân công kiểm sát điều tra vụ án đã chết nên hiện tại số tiền trên đã thất lạc, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N không có yêu cầu gì nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

+ Đối với 01 chiếc áo bông bộ đội: Quá trình điều tra năm 1997, Cơ quan CSĐT không nêu rõ biện pháp xử lý đối với đồ vật này. Hiện không rõ về tài sản trên được giao cho cơ quan nào quản lý nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý. Vì vậy, không đề nghị xem xét, giải quyết.

+ Đối với chiếc xe đạp Thống Nhất của gia đình ông Nguyễn Thế T: Quá trình điều tra xác định được bà Trương Thị Hiên, sinh năm 1947, trú tại: thôn Mook Trang, xã Ia Dom, huyện Đ, tỉnh G, là vợ của ông N, sau khi sự việc xảy ra bà Hiên đã đến Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh để hỏi thông tin của Nguyễn Văn Thắng và được cán bộ Hải quan trao trả chiếc xe đạp trên. Gia đình ông T, bà Hiên không có yêu cầu gì đối với xe đạp trên. Vì vậy, không đề nghị xem xét, giải quyết.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Sau khi sự việc xảy ra, Nguyễn Văn N đã tiến hành khắc phục bồi thường cho gia đình bị hại ông Nguyễn Thế T số tiền 4.625.000 đồng và bồi thường cho gia đình bị hại ông Phạm N số tiền 1.100.000 đồng. Đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Thế T và ông Phạm N đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo N. Nên không đề cập giải quyết.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị hại: Trong đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến và không có yêu cầu gì thêm, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo Nguyễn Văn N nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Do có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác nên vào tháng 01/1997, Nguyễn Văn N đã đưa ra thông tin không đúng sự thật như: N làm cán bộ Hải quan, cán bộ Biên phòng muốn bán thuốc lá điều ngoại đã thu giữ và dẫn đi gửi thuốc lá với giá rẻ để ông Nguyễn Thế T và ông Phạm N tin là thật và đưa tiền cho N. Sau đó, N đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Thế T số tiền 4.625.000 đồng và ông Phạm N số tiền 1.100.000 đồng. Tổng số tiền mà N đã chiếm đoạt được là 5.725.000 đồng (năm triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Số tiền có được từ việc chiếm đoạt N sử dụng cho việc tiêu xài cá nhân hết.

Sau đó, N bị Đồn Biên phòng 721 bắt giữ xử lý. Khi bị bắt giữ và trong quá trình điều tra N đã khai báo không đúng nhân thân của mình gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố và xét xử. Sau khi áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc tại Bệnh viện tâm thần Đà Nẵng thì N bỏ trốn và bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ ra Quyết định truy nã. Trong quá trình trốn và bị truy nã Nguyễn Văn N về quê làm ăn, sinh sống. Ngày 30/9/2024, Nguyễn Văn N đến Cơ quan Công an đầu thú và khai nhận mình chính là Nguyễn Văn Thắng là người bị truy nã theo Quyết định truy nã của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ. Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[2] Lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn N trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng.

[3] Do hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn N xảy ra trước 00 giờ 00 phút, ngày 01/01/2018. Đối chiếu giữa quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự năm 1985 và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự được Quốc hội thông qua ngày 28/12/1989, ngày 12/8/1991, ngày 22/12/1992 và ngày 10/5/1997 và quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự năm 1985 có khung hình phạt nhẹ hơn (có lợi hơn cho người phạm tội). Căn cứ vào Nghị Quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự thì cần áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1985 để xử lý đối với bị cáo Nguyễn Văn N. Vì vậy, hành vi 02 lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm vào tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 1985 như Cáo trạng số: 16/CT-VKS, ngày 10/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn Văn N. Bị cáo N có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Đối với lần phạm tội với số tiền 1.100.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vì vậy, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần”. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội, bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm a, d, h khoản 1, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 1985 cho bị cáo là phù hợp.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Nguyễn Văn N khai báo không đúng về nhân thân của mình, gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vụ án. Ngoài ra, khi áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc tại Bệnh viện tâm thần Đà Nẵng thì bị cáo N đã bỏ trốn và bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ ra Quyết định truy nã. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Văn N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, sau khi nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, bị cáo N đã đến Cơ quan Công an xã Hưng Tây, huyện Hưng N, tỉnh Nghệ An để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo N đã bồi thường cho gia đình của các bị hại với tổng số tiền là 5.725.000 đồng, qua đó thể hiện sự

ăn năn hối cải của bị cáo, gia đình các bị hại cũng đã tha thứ và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với số tiền 80.000 đồng (tám mươi nghìn đồng): Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã sử dụng để mua thuốc men, quần áo cho Nguyễn Văn N khi N bị ốm đau trong quá trình giam giữ tại thời điểm năm 1997. Hiện còn 16.000 đồng (mười sáu nghìn đồng) Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đang tiến hành tiếp nhận và quản lý đối với số tiền trên khi nhận bản kết luận điều tra số 11, ngày 25/3/1997. Tuy nhiên do thời gian đã lâu Kiểm sát viên được phân công kiểm sát điều tra vụ án đã chết nên hiện tại số tiền trên đã thất lạc, quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn N không có yêu cầu gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 chiếc áo bông bộ đội: Quá trình điều tra năm 1997, Cơ quan CSĐT không nêu rõ biện pháp xử lý đối với đồ vật này. Hiện không rõ về tài sản trên được giao cho cơ quan nào quản lý nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với chiếc xe đạp Thống Nhất của gia đình ông Nguyễn Thế T: Quá trình điều tra xác định được bà Trương Thị Hiên, sinh năm 1947, trú tại: thôn Mook Trang, xã Ia Dom, huyện Đ, tỉnh G, là vợ của ông N, sau khi sự việc xảy ra bà Hiên đã đến Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế Lê Thanh để hỏi thông tin của Nguyễn Văn Thắng và được cán bộ Hải quan trao trả chiếc xe đạp trên. Gia đình ông T, bà Hiên không có yêu cầu gì đối với xe đạp trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi sự việc xảy ra, Nguyễn Văn N đã tiến hành khắc phục bồi thường cho gia đình bị hại ông Nguyễn Thế T số tiền 4.625.000 đồng và bồi thường cho gia đình bị hại ông Phạm N số tiền 1.100.000 đồng. Đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Thế T và ông Phạm N đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo N. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố

tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 157; các Điều 25, 37; các điểm a, d, h khoản 1 và khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 1985.

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng 22 (hai mươi hai) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù bằng thời gian tạm giữ, tạm giam tính từ ngày 27/01/1997 đến ngày 16/8/1998 và từ ngày 01/10/2024 đến ngày 04/10/2024.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/4/2025), đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Công an tỉnh G;
- Bị cáo;
- Những người TGGT khác;
- TAND tỉnh G;
- THADS;
- Lưu hồ sơ/VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Đặng Anh Việt

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Được

Lê Thị Cần

Trần Đặng Anh Việt